

TÍN NGƯỠNG THÀNH HOÀNG VÀ LỄ HỘI TẾ THẦN Ở LÀNG XÃ THỪA THIÊN - HUẾ

LÊ ĐÌNH PHÚC - BÙI THỊ TÀN

Tín ngưỡng Thành hoàng vốn rất phổ biến đối với làng xã người Việt. Ở mỗi làng quê ngày trước, thờ phụng, cúng tế Thành hoàng là công việc tập thể của cả cộng đồng, thu hút mọi thành viên và thường gắn bó chặt chẽ với lễ hội cũng như một số hình thức sinh hoạt văn hóa làng xã mà ảnh hưởng của nó cho đến nay vẫn còn khá đậm. Xu hướng khôi phục lại các lễ hội truyền thống nhằm phát huy vốn văn hóa dân gian của các vùng quê đang được khơi dậy. Song, cùng với nó, các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, mê tín dị đoan cũng tái diễn với quy mô và ảnh hưởng không nhỏ đến mọi mặt của cuộc sống. Tìm hiểu và lý giải một cách thấu đáo các hiện tượng đó để có định hướng đúng cho sự phát triển văn hóa phong phú, đa dạng ở nông thôn hiện nay, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa và đời sống tâm linh của các tầng lớp nhân dân là điều cần thiết. Với mục đích đó, chúng tôi tìm hiểu về việc thờ phụng Thành hoàng, nghi thức cúng tế và lễ hội xung quanh ngày tế thần của một số làng xã ở Thừa Thiên - Huế, mong góp phần nhỏ vào mối quan tâm của chúng ta hiện nay.

Sau sự kiện Huyền Trân công chúa lấy Chế Mân (vua Chăm Pa) năm 1306, hai châu Ô, Lý của Chiêm Thành trở thành trấn Thuận Hóa của quốc gia Đại Việt. Quá trình di dân Việt vào khai khẩn, xây dựng làng xã mới có tổ chức và quy mô lớn bắt đầu được đặt ra. Những nông dân nghèo, binh lính và tội nhân từ các làng quê ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung bộ đến vùng đất mới lập nghiệp đã mang theo mô thức xây dựng

làng xã truyền thống nhưng không phải lặp lại hoàn toàn. Môi trường sinh thái, điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình mới cộng với bối cảnh lịch sử xã hội cụ thể và nguồn dân cư phức tạp... đã tạo nên các cộng đồng dân cư mới với những sắc thái văn hóa phong phú, đa dạng. Trong đời sống văn hóa làng quê, chỉ riêng sinh hoạt tín ngưỡng dân gian cũng đã toát lên đặc trưng ấy. Làng Việt trên đất Thừa Thiên - Huế vẫn thờ đa thần. Mỗi xóm ấp, mỗi giáp, mỗi làng xã có rất nhiều cơ sở thờ cúng thần linh với những quy mô khác nhau như: chùa, đình, miếu, nhà thờ, điện, am, cô đàn... Chúng tôi đã trực tiếp khảo sát sơ bộ 22 làng có thời gian thành lập sớm muộn khác nhau, địa bàn phân bố khác nhau (có làng ven đô, làng ven sông, ven biển, ven đầm phá, làng thuần nông ở đồng bằng, làng vùng gò đồi bán sơn địa; quy mô làng, nghề nghiệp chính của dân cư cũng có mặt khác nhau...). Tập hợp các vị thần mỗi làng thờ phụng vừa có những nét tương đồng vừa có sự khác biệt giữa các cộng đồng dân cư thuần nông nghiệp, ngư nghiệp, làng nghề thủ công kết hợp làm nông và buôn bán, hay vùng gò đồi còn gắn kết ít nhiều với kinh tế rừng, nhưng tất cả các làng đều thờ ít nhất là một vị Thành hoàng, có làng thờ hai, thậm chí ba vị Thành hoàng⁽¹⁾. Có thể nói tín ngưỡng Thành hoàng rất phổ biến đối với nhân dân các làng xã người Việt ở Thừa Thiên - Huế. Dù mỗi làng tôn thờ một vị thần riêng, có lai lịch, nguồn gốc khác nhau, nhưng quan niệm thì hầu như nhất quán: đó là vị thần bảo trợ cho cả cộng đồng, là vị thần tối cao, có quyền uy nhất trong không gian làng; Thành hoàng

là đại diện cho quyền lợi chung của cộng đồng và chi phối đến tất cả mọi phương diện của cuộc sống vật chất lẫn đời sống tâm linh. Để nêu cao "chính danh", hợp pháp hóa vị thần của làng, trước đây hầu hết các làng đều trình xin nhà nước quân chủ cấp sắc phong thần cho Thành hoàng. Nay nhiều địa phương còn lưu giữ được những sắc phong thần ấy, chủ yếu là sắc của các ông vua triều Nguyễn⁽²⁾.

Các vị thần được suy tôn là Thành hoàng thờ ở các làng xã Thừa Thiên - Huế rất đa dạng. Trong số 22 làng được chúng tôi khảo sát thì có 4 làng thờ Thành hoàng là nhân thần. Trong đó có 2 vị là người có công trong việc khai canh lập làng và truyền nghề cho dân làng. Lai lịch, công đức của các vị Thành hoàng này thường được dân làng lưu truyền một cách cụ thể, chi tiết và có sắc phong thừa nhận rõ ràng. Một làng thờ người có công đánh giặc giúp nước với những mảng truyền thuyết kể về công nghiệp và sự linh thiêng của thần nhưng ít cụ thể hơn. Bảy làng thờ thần đất (thổ công, thổ địa) làm Thành hoàng, có làng còn lưu được nguyên sắc phong của vua Duy Tân và Khải Định cho các vị thổ công, thổ địa của làng làm "bốn thổ thành hoàng... gia tặng tịnh hậu trung đẳng thần"⁽³⁾. Những làng còn lại đều thờ các vị thiên thần (một số làng thờ cao các đại vương - có sắc phong thần của triều Nguyễn). Với các vị thần này, nhân dân các làng đều không rõ lai lịch mà chỉ truyền tụng cho nhau về sự linh thiêng và quyền uy tuyệt đối của Ngài...

Các làng đều xây đình - thường là công trình có quy mô kiến trúc lớn nhất làng ngày xưa - đó là nơi thờ phụng Thành hoàng. Thậm chí có một số làng xây dựng hai ngôi đình lớn, một để thờ Thành hoàng và các vị thiên thần khác, một để thờ các vị khai canh - những người có công đầu trong việc khai phá, tạo dựng xóm làng (như làng Dương Nỗ, làng Phước Tích...). Những quan niệm có tính chất Đạo giáo về phong thủy trong tín ngưỡng Thành hoàng đã phản ánh tính

chất ràng buộc và sự gắn bó của số phận cá nhân đối với cộng đồng. Dân các làng xưa thường quan niệm làng có nhiều người đỗ đạt, công danh hiển hách, giàu sang phú quý là do đất của làng, do phúc của thần và do hương đình là chính chứ vai trò cá nhân không thể quyết định được. Vì quan niệm như vậy nên ngôi đình ở phường Đông của làng Dương Nỗ, nằm bên bờ sông Phố Lợi, nền đình phải làm thấp hơn mặt đường. Dân làng tin theo lời thầy địa lý cho rằng đình phải làm thấp xuống để sân đình không thấy mặt sông, nếu không dân làng sẽ sống không yên ổn thường hay xô xát, xích mích lẫn nhau và làm ăn lụn bại. Khi sân đình chưa lát gạch, hàng năm dân làng phải tổ chức nạo vét một lần sau mùa mưa lũ để sân khỏi bồi cao. Đình là nơi tôn nghiêm, trang trọng nhất của làng nên phụ nữ, trẻ em không được đến. Ai có việc qua ngoài cổng đình cũng phải ngả nón và đi đứng cẩn trọng. Làng Vĩnh An (Phong Hòa - Phong Điền) phải dời đình hai lần cũng bởi quan niệm đó. Lúc đó, đình làng được xây dựng ở thôn Thanh Tùng, dân làng cho rằng thần Thành hoàng đã phù hộ cho dân thôn này nên nhiều người giàu có, làm ăn phát đạt, học hành thành tài, thi cử đỗ đạt còn dân hai thôn Tuyết Mai, Bình Thị ở xa đình, ít được thần phù hộ do đó nghèo khó, học hành không thành đạt. Vì thế, dân hai thôn Tuyết Mai, Bình Thị buộc làng phải dời đình đặt trên nền đất nằm giữa hai thôn này. Dân Vĩnh An thì cho rằng, vị trí ngôi đình ở đó Thành hoàng chỉ phù hộ cho dân làng về đường làm ăn nên làng mới nổi tiếng "nhiều ruộng, lắm trâu", nhưng lại không phát về đường học hành, quan chức, không có người đỗ đạt và làm quan to...

Đình các làng chỉ là nơi thờ vọng vị thần Thành hoàng và thường phối tự các vị thiên thần, các ngài khai canh của làng. Đây cũng là nơi diễn ra các buổi hội họp, bổ thuế, bắt phu, bắt lính... huyên náo, làm thiếu đi vẻ thâm nghiêm, trang trọng, nên hầu hết các làng đều xây dựng miếu hay am để làm

"tư thất" cho thần Thành hoàng. Ở tất cả các làng (kể cả những nơi không hiểu rõ lai lịch vị Thành hoàng) việc thờ cúng Thành hoàng đều rất thành kính và tuân thủ các lễ nghi trang trọng. Mọi thành viên của cộng đồng mỗi khi có công việc hệ trọng trong cuộc đời như: cưới vợ, gả chồng, sinh con, làm nhà mới, đào giếng, thi cử, đỗ đạt, được thăng quan tiến chức... đều phải xin ý thần và có lễ yết cáo trước khi trình làng (dưới các hình thức khác nhau, chẳng hạn khao vọng đối với người đỗ đạt, được nhận ân mệnh của nhà vua...). Cả hai sự chứng nhận: thần Thành hoàng chứng nhận và chuẩn y cũng như dân làng công nhận và chứng kiến đều có giá trị như nhau và không thể thiếu được. Người ta tin rằng mọi việc làm cũng như hành vi của các thành viên đều có sự chứng giám và bảo trợ của Thành hoàng. Làng Mỹ Xuyên (Phong Hòa - Phong Điền) từ xưa vẫn lưu truyền câu: " Cửa làng có Thành hoàng giữ". Với sự sùng bái và niềm tin như vậy cho nên ngày tế lễ Thành hoàng là một trong những nghi lễ quan trọng nhất, lớn nhất của làng và đồng thời cũng là ngày hội làng.

Thời gian tế thần Thành hoàng của mỗi làng khác nhau, nhưng tập trung nhất vào trung tuần tháng sáu hoặc đầu tháng bảy âm lịch. Theo lịch thời vụ nhà nông vùng này thì đây chính là thời kỳ "nông nhàn" bà con nông dân đang thư dãn, nghỉ ngơi để chuẩn bị vào gặt vụ hè thu, do đó mọi người đều có điều kiện để tham dự hội làng, tiệc họ... Một số làng khác lại thường tổ chức vào dịp đầu xuân hoặc tiết thanh minh, đó cũng là thời kỳ công việc đồng áng tương đối nhàn rỗi. Thừa Thiên - Huế là nơi ruộng đất công làng xã còn tồn tại nhiều và phổ biến nên các làng đều trích ruộng dành riêng cho việc tế thần Thành hoàng, các vị khai canh và những lễ tiết nông nghiệp khác. Có làng ghi vào hương ước thành luật lệ rõ ràng⁽⁴⁾. Một điều đáng lưu ý là, hầu hết các làng, ngày cúng tế Thành hoàng đồng thời phối tế các vị khai canh, khai khẩn của

làng. Những làng thờ người có công khai canh, truyền nghề làm Thành hoàng thì ngày tế thần là dịp ôn lại công đức của thần và kết hợp các trò diễn (chẳng hạn như trò bủa lưới bắt cá ở làng Thai Dương Hạ)... Những làng thờ thần đất hoặc thiên thần làm Thành hoàng thì trong ngày này dân làng cũng kể về lịch sử khai phá lập làng, về công lao của các vị đã có công đầu trong thời kỳ đó. Điều này thể hiện tình cảm đạo lý "uống nước nhớ nguồn" rất tốt đẹp của nhân dân ta. Ở đây Thành hoàng là hình tượng chung về một vị thần cao siêu và quyền uy, còn các vị khai canh khai khẩn thì biểu hiện một cách gần gũi, gần bó, có khi tên của họ gắn liền với tên gọi của từng xứ đồng, từng con kênh, bờ đập hay các di tích còn, miếu... Miếu khai canh và nhà thờ các họ khai canh được xây dựng, tôn tạo như là một công trình tưởng niệm, một hình thức ghi công mà làng nào cũng có. Ngày tế thần, hội làng, mọi người từ quan viên, chức sắc, dân đinh, người già đến trẻ đều quan tâm, chuẩn bị rộn ràng, tấp nập với không khí hào hứng và lòng thành kính thực sự. Nghi lễ diễn ra thật trọng thể, tiến trình hội lễ thường kéo dài vài ba ngày. Chẳng hạn, ở làng Dương Nỗ (Phú Dương - Phú Vang) hàng năm thường chọn ngày tốt vào tháng bảy âm lịch để cử hành lễ "Thu tế" trong vòng 3 ngày. Ngày và đêm đầu cũng rước trà gọi là lễ "túc yến" để mời các vị thần làng thờ về đình. Làng tổ chức nghinh rước Thành hoàng từ "tư thất", bảy vị khai canh và các vị thần thờ ở ba phường trong làng về đình. Đến 3 giờ sáng ngày thứ hai tổ chức cúng mặn. Lễ vật gồm tam sinh (lợn, trâu, dê). Cứ ba tuần rước, ba tuần trà xong chủ lễ đọc văn tế Thành hoàng và 7 vị khai canh. Vị quan có phẩm hàm cao nhất làm chánh bái đứng giữa, hai bên tả phần hiến 2 người, hữu phần hiến 2 người. Năm vị cúng tế xong, hội tư văn xướng, sau đó bảy ông trưởng bảy họ khai canh vào tế. Đứng sau là các quan viên, phụ lão, dân đinh. Họ lần lượt vào lạy theo thứ tự quy định. Ngày

thứ ba làm lễ đưa các vị thần về lại am, miếu. Lễ nghinh thần, đưa thần ở các làng đều diễn ra với các nghi thức rất long trọng, có cờ, quạt, lọng, ban nhạc lễ với các nhạc cụ như trống, chiêng, kèn... cùng hòa nhạc tạo nên một không khí vừa trang trọng vừa vui nhộn.

Tại làng An Truyền hay còn gọi là làng Chuồn (Phú An, Phú Vang), hàng năm khoảng trước rằm tháng 7, làng tổ chức cuộc họp gồm đại biểu của bảy họ khai canh để bàn cho lễ thu tế. Hội nghị sẽ soát lại sổ kinh phí thu hoa lợi trên ruộng đất làng giành tế đình và sự đóng góp của làng cho hội lễ, sau đó sẽ thành lập các ban ngành phụ trách từng công việc gồm:

- Ban tổ chức lễ hội
- Ban chánh bái và bồi bái
- Ban văn lễ (gồm ba tiểu ban: tiểu ban xướng, tiểu ban dẫn, tiểu ban thài (nhạc lễ))
- Ban tiểu cổ, đại cổ
- Ban cử nghi, cử soát (phát lệnh lễ, điều khiển nghi thức lễ)
- Ban cung nghinh (đón, đưa thần)
- Ban phụ từ
- Ban tiếp tân, ánh sáng, trật tự và ban hậu cần.

Sáng hôm rằm tháng bảy, làng làm lễ "Trầm thiết nghiêm trang" (bày đồ cúng trang trọng) ở đình làng, khoảng 3 giờ chiều làm lễ cúng rằm và tập diễn nghi. Thu tế bắt đầu cử hành vào ngày 16.

Từ 3 giờ sáng dân làng An Truyền đã tập trung ở đình để chuẩn bị làm lễ cung nghinh. Mở đầu, ban Tiểu cổ, đại cổ đánh trống, chiêng, kèn, sáo... tiếng nhạc vang động, đưa mọi người vào không khí lễ. Đoàn cung nghinh mặc quần áo lính trận, đầu đội nón dậu, chân quấn xà cạp, tay cầm lỗ bộ, vai khiêng kiệu, đội ngũ nghiêm trang. Vị Cử soát phát lệnh "truyền xóc vai", ban cung nghinh xuất phát tiến ra ba miếu, cách đình khoảng 2000m, rước mẫu bà Thiên Y-A-Na và hai tôn ông Hồ Quý Công, Nguyễn Quý Công vào nhập đình. Đoàn rước thần đi qua

xóm nào, xóm đó có hương án đặt đầu đường vào xóm và đốt pháo tỏ lòng thành kính. Khi đoàn cung nghinh sắp vào sân đình, ban Văn lễ đặt một hương án ở miếu Thổ sơn và hương án của các họ khai canh tại cổng đình, đốt pháo rước thần vào đình theo thứ tự. Đoàn còn cung nghinh thần ở miếu Bà Hỏa, miếu Nam (thờ Ngũ Hành). Khi "thần vị", bát nhang của các thần đã vào đình và "an vị", lễ cung nghinh hoàn tất. Khoảng từ 9 đến 11 giờ, lễ "an vị và kế hành túc yến" được cử hành tại sân đình. Mọi người trang nghiêm trong lễ phục, vị Cử nghi phát lễ "Bái liệt nghi trường" bảy vị chánh bái và năm vị bồi bái tế cáo trời đất, thần linh, tiên tổ... Lễ vật cúng tế cũng gồm "tam sinh" (lợn, bò, dê) sau khi đã làm sạch, bày nguyên thịt sống cả con vật, cùng một tô huyết, một nhúm lông (huyết, mao) đặt trước các hương án cúng tế.

Chánh lễ tại đình làng An Truyền được cử hành vào sáng ngày 17 từ lúc 2 giờ và tiến hành suốt trong ba giờ. Nội đình, sân và khuôn viên đình đèn, nến sáng trưng, dân làng tụ tập đông vui tấp nập. Chánh tế gồm nhiều lễ: lễ Tứ Phước tổ (lời thần truyền cho làng Ân Tứ), lễ tế Thiên thần, Đại càn quốc gia, Mẫu nhị vị tôn ông, Ngũ Hành, Kim Tinh bách giảng, Thành Hoàng, Tam vị khai canh, Tứ tánh dư hậu, Thổ công, Táo quân... Mỗi lễ có bài văn tế khác, song nghi lễ thì đều giống nhau (Phải có tam tuần, bát bái: 3 tuần rượu, 8 lần lạy, có Dân có Thài: bưng rượu vào bàn thờ có tấu nhạc thài. 5 giờ sáng lễ Chánh tế bước vào giai đoạn cuối. Trưởng ban tổ chức cắt một miếng thịt vuông vức (20x20cm) phía bên hữu của con vật tế tại bàn thờ gian giữa và một khay trầu, rượu cung kính mang ra đặt trước mặt ông Chánh tế với hàm ý đó là phần Thần giành riêng cho ông ta. Sau đó là lễ cáo để cung nghinh Thần vị về chỗ cũ giống như khi rước. Tiếp đó làng cúng lễ Ba bạc - tưởng nhớ đến các vị có công đức với làng đã qua đời. Đan xen với các phần lễ là phần

Hội vui chơi của dân làng An Truyền và bà con các làng lân cận về tham dự. Từ lúc 2 giờ sáng ngày 17 tháng 7 khi ở nội đình cử hành Chánh lễ thì trước cổng tam quan, trên khoảng đất trống gần 2000m² các trò chơi truyền thống: vượt hổ, xây lồng đèn, ù mồi, nhảy dây, ca hát, hò đối đáp... diễn ra sôi động thu hút tất cả các thành viên cộng đồng.

Điều đặc biệt là, các lễ chính của Thu tế làng Chuồn đều diễn ra vào đầu buổi sáng, khi màn đêm còn bao phủ, người ta quan niệm rằng vào những thời điểm ấy, không khí tĩnh mịch, trong lành, trời đất giao hòa, lòng người thanh thản... làm lễ cúng Thần mới tỏ hết lòng thành, Thần - người dễ giao cảm.

Mỗi năm làng Truyền An còn có 2 ngày Hội lớn không tổ chức ở đình đó là Hội hát bội cầu Ngư (tổ chức vào tháng 2) và Hội đua trái cầu ngư, cầu nông (tháng 10).

Làng Mậu Tài (Phú Mậu - Phú Vang) còn quy định các dân đình được chọn đi nghinh Thần đều phải mặc đồng phục, áo có dấu, đội nón lá vành hẹp, chân quấn xà cạp. Mọi người ra đình tham dự lễ đều phải ăn mặc gọn gàng, lễ phục khăn đóng, áo dài... Lễ vật cúng thần cũng được quy định nghiêm ngặt, bảo đảm sự "tinh khiết". Ở làng Ưu Điền (Phong Hòa - Phong Điền) ba con vật (bò, dê, lợn) phải được đưa về sân đình sớm để tế sống, sau đó mới giết thịt, thui để nguyên con cúng trước rồi mới được xẻ làm mâm... Làng Dã Lê Thượng (Thủy Phương - Hương Thủy) thì định lệ: "ruộng tế thu 4 mẫu... giáp nào được phân công lo tế lễ thì được nhận 2 mẫu để lấy tiền mua 2 con trâu đực, 3 con lợn, 3 đôi lọng vàng, 2 đôi lọng đen, chiếu vuông lớn 10 đôi... và các vật phẩm khác". Và, "Tế thu phải dùng xôi bằng loại nếp rồng, mỗi cỗ nửa cân"⁽⁵⁾...

Ba ngày cúng tế Thành hoàng và các vị khai canh cũng là ba ngày hội của các làng. Dân làng định ra hội lễ và là người đứng

ra tổ chức nên họ làm việc với tinh thần hết sức tự giác, thành tâm. Hội lễ trước hết là để thờ cúng thần nên ai cũng muốn gói gắm vào những lời cầu khẩn Thành hoàng ước nguyện và hy vọng một cuộc sống no đủ, bình an, giàu có. Dù kết quả đang còn xa vời, nhưng được đề đạt ý nguyện trước Thần cũng đã tạo nên một sự an ủi, niềm tin và sự bình ổn về tâm lý.

Hội làng là trung tâm thể hiện ý thức cộng đồng làng xã, trung tâm tích tụ văn hóa, nghệ thuật dân gian. Ngôi đình trở thành trung tâm của hội làng. Các hình thức dân ca nghinh lễ, nghệ thuật dân gian như hát bội, múa bông, múa sư tử và đặc biệt là hội đua thuyền (bơi trái) rất phổ biến. Những năm hòn cốc phong đăng, lễ làng càng lớn thì hội đua thuyền càng rầm rộ, nó được tổ chức liên làng. Việc mở rộng các đội đua của nhiều làng cùng tham gia vừa phản ánh nhu cầu giao lưu văn hóa qua đua tài, đua sức của nhân dân các làng xã vừa thể hiện sự đoàn kết liên làng và là một bộ phận của lễ tế thần, cầu an, cầu may. Vì thế nên làng Dương Nỗ làm hẳn ngôi đền cất giữ hai chiếc trái (thuyền đua) để dành cúng tế thần trong những dịp làng tổ chức đua. Dân làng tin rằng đền thờ hai chiếc trái rất linh thiêng nên trước khi vào hội đua, bao giờ đội đua cũng đến đây cúng tế để cầu mong giành thắng lợi. Ở làng Thái Dương Hạ, sau các thủ tục cúng tế thần, làm "trò bùa lưới", "lễ cầu an, cầu ngư", dân làng cũng tổ chức đua thuyền. Dịp này làng thường mời các làng lân cận đến tham dự để cùng đua tài. Cuộc đua trước hết nhằm cầu chúc tử dân: sĩ, nông, công, thương cùng an khang thịnh vượng. Cuộc đua diễn ra suốt ngày, nhân dân các làng tụ tập về xem đông vui, tạo nên không khí nhộn nhịp như ngày hội lớn. Mở đầu, bao giờ cũng có đợt đua nghi thức. Các trái đua đều phải vượt qua 4 chặng để nhận đủ 4 thẻ về trình cúng tại đền thờ Thành hoàng làng Thái Dương Hạ. Chặng

đầu nhận thẻ sĩ với câu chúc ghi "Văn tấn võ thăng". Chặng thứ hai nhận thẻ nông với dòng chữ: "Hòa cốc phong đặng". Chặng thứ ba là thẻ công ghi câu: "Nhất bốn vạn lợi". Chặng thứ tư nhận thẻ thương cũng với câu chúc như ở thẻ công.

Sau đợt đua nghi thức, làm lễ trước bài vị Thành hoàng xong, cuộc đua tài mới thực sự bắt đầu.

Sống trên địa bàn nhiều sông rạch, đầm phá, hay bị lũ lụt, phương tiện giao thông đường thủy rất quen thuộc cho nên đua thuyền là trò vui chơi của hầu hết các làng trong ngày hội và tồn tại phổ biến cho đến ngày nay.

Ngày hội tế thần đối với dân làng có rất nhiều ý nghĩa. Trước hết, người ta mở hội cúng thần, lễ thần để tỏ lòng biết ơn đối với sự phù hộ của thần và cầu mong thần bảo trợ, ban phúc cho dân làng. Ngày hội còn là ngày họp mặt đông đủ dân làng. Những người sống xa quê cũng tìm cách trở về làng dự hội. Đây cũng là dịp để củng cố, thắt chặt thâm tình đoàn kết, tính cộng đồng và mở rộng mối quan hệ hợp tác, giao lưu với các cộng đồng liên bang; là dịp để mọi người cùng ôn và nhớ lại những truyền thống, những nếp sinh hoạt xưa, nhắc lại để tưởng nhớ và ghi ơn những người có công với xóm với làng. Do đó, ngày hội có một ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục ý thức, tâm lý cộng đồng, củng cố đạo lý uống nước nhớ nguồn cho tất cả các thành viên, nhất là thế hệ trẻ. Tuy nhiên, vốn từ ngày xưa, sau lũy tre làng, còn chứa đựng trong đó bao mối quan hệ phức tạp, đó là tư tưởng bè

phái, hẹp hòi, cục bộ, họ lớn, họ nhỏ, họ đến trước, đến sau... cho nên sự sắp xếp bài vị của những người được thờ phụng cũng như chỗ đứng, chỗ ngồi của con cháu các họ ở chốn đình trung trong ngày tế thần, hội làng, ngày đình đám... đã nảy sinh bao sự tranh giành, kiện tụng và thậm chí có cả hiềm khích. Làng là tập hợp nhiều họ. Vai trò, địa vị của mỗi họ trong làng là cả vấn đề lớn mà đến nay đây đó vẫn còn đặt ra. Ở nhiều địa phương, những năm gần đây việc khôi phục, xây dựng lại đình, chùa, nhà thờ, am, miếu, lăng mộ với quy mô to lớn, tốn kém nhiều tiền của, công sức. Cùng với việc khôi phục, xây dựng ấy thì tục lệ cúng tế, đình đám linh đình, ma chay, đồng bóng cũng đang trở dậy...

Dù xét trên phương diện nào thì sự thờ thần và cúng tế linh đình, tốn kém nhiều tiền của, thời gian, công sức đều không còn thích hợp nữa, nhất là đối với các vị thần linh không gắn bó gì với lịch sử làng xã, lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, việc thờ phụng các khai canh, khai khẩn, các vị tổ sư ngành nghề hoặc những người có công đức với làng xã, đất nước là biểu hiện của đạo lý uống nước nhớ nguồn - một nét đẹp trong đạo đức truyền thống Việt Nam. Những lễ hội để tưởng niệm các vị đó cùng với các hình thức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian lành mạnh là điều cần khuyến khích nhưng phải có sự chỉ đạo sát thực cụ thể về nội dung và hình thức tổ chức cho phù hợp với nhu cầu của cuộc sống xã hội hiện đại.

CHÚ THÍCH

- (1) Chẳng hạn như ở đình làng Thọ Lộc (nay thuộc khu vực I, phường Vĩ Dạ - Huế) đặt bài vị của 16 vị thần, trong đó có Tả đông chính Thành hoàng, Hữu đông chính Thành hoàng, Bốn thổ Thành hoàng. Làng Mỹ Xuyên (Phong Hòn - Phong Điền) cũng có bài vị của Tả Thành hoàng, Hữu Thành hoàng thờ tại đình làng và miếu Thành hoàng.
- (2) Các làng còn lưu giữ được sắc phong thần

cho Thành hoàng như: Phù Bài (Thủy Phù - Hương Thủy), Hà Thanh (Vinh Thanh - Phú Vang)...

- (3) Các bản sắc phong thần của làng Hà Thanh, nguyên bản chữ Hán, hiện lưu tại xã.
- (4.5) Bản điều lệ làng Dã Lê Thượng (Thủy Phương - Hương Thủy), nguyên bản chữ Hán, hiện lưu tại địa phương.